

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định phân cấp quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 39/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về quản lý không gian xây dựng ngầm đô thị;

Căn cứ Nghị định số 114/2010/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ về bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2012/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2012 của Chính phủ về quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật;

Căn cứ Thông tư số 11/2010/TT-BXD ngày 17 tháng 8 năm 2010 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về quản lý cơ sở dữ liệu công trình ngầm đô thị;

Căn cứ Thông tư số 03/2013/TT-BXD ngày 02 tháng 4 năm 2013 của Bộ Xây dựng ban hành mẫu hợp đồng sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật và hợp đồng quản lý vận hành công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 21/2013/TTLT-BXD-BTC-BTTTT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ Xây dựng, Bộ Công Thương, Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về dấu hiệu nhận biết các loại đường dây, cáp và đường ống được lắp đặt vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 210/2013/TTLT-BTC-BXD-BTTTT ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng, Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn cơ chế, nguyên tắc kiểm soát giá và phương pháp xác định giá thuê công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung;

Căn cứ Quyết định số 04/2008/QĐ-BXD ngày 03 tháng 4 năm 2008 của Bộ Xây dựng về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng;



Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 232/TTr-SXD ngày 25 tháng 3 năm 2015 về việc ban hành Quy định phân cấp quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn tỉnh Kiên Giang,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về phân cấp quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Điều 2. Giao trách nhiệm cho Giám đốc Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức triển khai, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký. *Vũ*

Nơi nhận:

- Chính phủ;
- Website Chính phủ;
- Bộ Xây dựng;
- Cục KTVB QPPL (Bộ Tư pháp);
- TT.TU; TT.HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Thành viên UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Như Điều 3 của Quyết định;
- Đăng Công báo tỉnh;
- LĐVP, CVNC;
- Lưu: VT, tthuy.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Lu
Lê Văn Thi



QUY ĐỊNH

Phân cấp quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 45 /2015/QĐ-UBND ngày 03 tháng 6
năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định về phân cấp quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật tại các đô thị, khu đô thị, khu kinh tế, cụm công nghiệp và khuyến khích áp dụng tại các khu vực ngoài đô thị trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan nhà nước, đơn vị, tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

2. Các nội dung khác quy định về quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật không nêu trong Quy định này thì thực hiện theo Nghị định số 72/2012/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2012 của Chính phủ về quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật (sau đây viết tắt là Nghị định số 72/2012/NĐ-CP) và các quy định của pháp luật có liên quan.

3. Các cơ quan nhà nước, đơn vị, tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn tỉnh phải tuân thủ theo Quy định này và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật bao gồm công trình giao thông; công trình thông tin liên lạc; công trình cung cấp năng lượng; công trình chiếu sáng công cộng; công trình cấp nước; công trình thoát nước; công trình thu gom và xử lý nước thải, chất thải rắn; công trình nghĩa trang và công trình khác.

2. Sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật là việc các tổ chức, cá nhân bố trí, lắp đặt đường dây, cáp viễn thông, điện lực và chiếu sáng công cộng (gọi chung là đường dây, cáp); đường ống cấp nước, thoát nước, cấp năng lượng (gọi chung là đường ống) vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung.

3. Công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung là các công trình được xây dựng để bố trí, lắp đặt đường dây, cáp và đường ống, bao gồm: Cột ăng ten; cột treo cáp (dây dẫn); công cáp; hào kỹ thuật và tụy nen kỹ thuật; đường đô thị; hầm đường bộ; hầm đường sắt; cống ngầm; cầu đường bộ và cầu đường sắt.



4. Tuy nen kỹ thuật là công trình ngầm theo tuyến có kích thước lớn đủ để đảm bảo cho con người có thể thực hiện các nhiệm vụ lắp đặt, sửa chữa và bảo trì các thiết bị, đường ống kỹ thuật.

5. Hào kỹ thuật là công trình ngầm theo tuyến có kích thước nhỏ để lắp đặt các đường dây, cáp và các đường ống kỹ thuật.

6. Cơ sở dữ liệu về công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung bao gồm thuyết minh, bản vẽ hoàn công; các dữ liệu về trang thiết bị, các thông tin về tổ chức, cá nhân tham gia quản lý và sử dụng chung.

7. Khu chức năng đặc thù bao gồm các khu chức năng sau: Khu kinh tế; khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao; khu du lịch, khu sinh thái; khu bảo tồn; khu di tích lịch sử - văn hóa, cách mạng; khu nghiên cứu, đào tạo; khu thể dục thể thao; cảng hàng không, cảng biển; khu vực đầu mối hạ tầng kỹ thuật; khu chức năng đặc thù khác được xác định theo quy hoạch xây dựng vùng được phê duyệt hoặc được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định thành lập.

Chương II

QUẢN LÝ CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG KỸ THUẬT SỬ DỤNG CHUNG

Điều 3. Yêu cầu đối với công tác quy hoạch

1. Quy hoạch xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung phải được lập với tính chất là một đồ án quy hoạch chuyên ngành hoặc là một nội dung của đồ án quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng, đồng thời được thẩm định, phê duyệt, quản lý theo quy định của Luật Quy hoạch đô thị, Luật Xây dựng và các văn bản pháp luật khác có liên quan. Quy hoạch xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung được phê duyệt là cơ sở pháp lý cho các hoạt động đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật ở các bước tiếp theo.

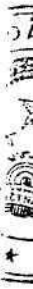
2. Trường hợp mạng lưới công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trên địa bàn tỉnh chưa có trong quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng được phê duyệt thì khi đầu tư xây dựng các công trình này, chủ đầu tư phải có ý kiến thỏa thuận quy hoạch của các cơ quan quản lý về công trình hạ tầng kỹ thuật theo quy định.

3. Đối với các đô thị hiện hữu và khu kinh tế trên địa bàn tỉnh, trên cơ sở khảo sát đánh giá công trình hạ tầng kỹ thuật hiện có, phải nghiên cứu đề xuất giải pháp cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung nhằm bảo đảm tính kế thừa, đáp ứng nhu cầu sử dụng chung trong khu vực quy hoạch.

4. Các yêu cầu khác đối với công tác quy hoạch thực hiện theo quy định tại Nghị định số 72/2012/NĐ-CP.

Điều 4. Đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung

1. Đối với các đô thị hiện hữu và khu kinh tế: Trường hợp đã có các công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm đảm bảo cho việc sử dụng chung thì không được



xây dựng hệ thống đường dây, đường ống kỹ thuật mới mà phải phối hợp sử dụng chung cơ sở hạ tầng với các công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm sẵn có; trường hợp chưa có các công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm đảm bảo cho việc sử dụng chung, Ủy ban nhân dân cấp huyện phải có kế hoạch từng bước đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung. Việc từng bước đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung thực hiện theo quy mô, loại công trình phù hợp với nội dung quy hoạch công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung đã được lập, thẩm định và phê duyệt bổ sung.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung theo các hình thức đầu tư phù hợp quy định và có chính sách hỗ trợ, ưu đãi đối với các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trên địa bàn tỉnh.

3. Các yêu cầu khác về đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung thực hiện theo quy định tại Nghị định số 72/2012/NĐ-CP.

Điều 5. Sở hữu công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung

1. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố là chủ sở hữu các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung bao gồm: Các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trên địa bàn quản lý được đầu tư bằng nguồn vốn từ ngân sách nhà nước, trừ các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều này; các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung được nhận bàn giao lại từ các tổ chức, cá nhân bỏ vốn đầu tư xây dựng sau khi hết thời hạn quản lý khai thác theo quy định.

2. Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh là chủ sở hữu các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong khu kinh tế tỉnh được đầu tư bằng nguồn vốn từ ngân sách nhà nước.

3. Ban Quản lý đầu tư phát triển đảo Phú Quốc là chủ sở hữu các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung thuộc các tuyến đường tại Điểm b Khoản 8 Điều 14 của Quy định này trong các khu chức năng của quy hoạch chung xây dựng, quy hoạch đô thị trên địa bàn huyện Phú Quốc đã được phê duyệt (khu đô thị, khu du lịch, khu phi thuế quan, cụm công nghiệp) được đầu tư bằng nguồn vốn từ ngân sách nhà nước.

4. Đối với các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung được đầu tư xây dựng bằng nguồn ngân sách Trung ương, vốn tài trợ và các nguồn vốn hỗ trợ khác nhưng đã được bàn giao lại cho địa phương quản lý thì đơn vị nhận bàn giao là chủ sở hữu công trình.

5. Các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng đô thị mới, khu đô thị mới là chủ sở hữu, quản lý vận hành công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung đến khi bàn giao theo quy định.

6. Các tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung do mình bỏ vốn đầu tư xây dựng đến khi bàn giao theo quy định.

Điều 6. Bảo trì công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung

1. Các tổ chức, cá nhân bao gồm: Chủ sở hữu công trình, người quản lý công trình hoặc người sử dụng công trình khi được chủ sở hữu ủy quyền có trách nhiệm bảo trì công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung theo quy định của pháp luật.

2. Công trình hào và tuy nèn kỹ thuật phải thực hiện chế độ bảo trì thường xuyên và định kỳ; công trình đường dây, đường cáp, đường ống và công trình cầu, hầm, đường đô thị phải thực hiện chế độ bảo trì định kỳ.

3. Khi thực hiện công tác bảo trì phải chú ý kiểm tra nghiêm ngặt hệ thống đầu nối công trình, phải đảm bảo các quy định về phòng chống cháy nổ và bảo vệ môi trường.

Điều 7. Quy định về dấu hiệu nhận biết các loại đường dây, cáp và đường ống trong công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung

Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 72/2012/NĐ-CP và Thông tư liên tịch số 21/2013/TTLT-BXD-BCT-BTTTT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ Xây dựng - Bộ Công Thương - Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về dấu hiệu nhận biết các loại đường dây, cáp và đường ống được lắp đặt vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung.

Điều 8. Hợp đồng sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật và Hợp đồng quản lý vận hành công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung

Hai loại hợp đồng này được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 72/2012/NĐ-CP và Thông tư số 03/2013/TT-BXD ngày 02 tháng 4 năm 2013 của Bộ Xây dựng ban hành mẫu hợp đồng sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật và hợp đồng quản lý vận hành công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung.

Điều 9. Giá thuê công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung

1. Quản lý giá thuê:

a) Đối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước thì Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều này và căn cứ phương pháp xác định giá thuê theo hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 210/2013/TTLT- BTC-BXD-BTTTT ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Bộ Tài chính - Bộ Xây dựng - Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn cơ chế, nguyên tắc kiểm soát giá và phương pháp xác định giá thuê công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung để quyết định giá cho thuê công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước và áp dụng thống nhất trên địa bàn tỉnh.

b) Đối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung được đầu tư không phải từ nguồn vốn ngân sách nhà nước thì các tổ chức, cá nhân căn cứ theo các quy định tại Khoản 1 Điều này và tham khảo phương pháp xác định giá thuê do nhà nước ban hành để quy định giá thuê công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung do mình đầu tư và thỏa thuận với tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng; đồng thời thực hiện đăng ký giá theo quy định pháp luật về quản lý giá. Trường hợp các bên không thỏa thuận được giá thuê, cơ quan nhà nước có thẩm quyền tổ chức hiệp thương giá theo quy định pháp luật về quản lý giá.

2. Chủ đầu tư công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung thực hiện thu và quản lý tiền thuê sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật của các tổ chức, cá nhân.

Chương III

TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRONG VIỆC QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG CHUNG CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Điều 10. Trách nhiệm và quyền hạn của chủ sở hữu, đơn vị quản lý vận hành và tổ chức, cá nhân tham gia sử dụng chung

1. Chủ đầu tư các khu đô thị mới, khu chức năng đặc thù, khu kinh tế, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh khi tổ chức lập quy hoạch, thiết kế và thi công xây dựng các công trình nêu trên phải thực hiện việc bố trí các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung theo Quy định này và các quy định khác có liên quan; gắn kết đồng bộ với hạ tầng kỹ thuật của các khu vực lân cận theo hướng hiện đại, đảm bảo mỹ quan và phát triển bền vững;

2. Khi xây dựng, lắp đặt các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung, các tổ chức, cá nhân phải chấp hành nghiêm các quy định của Nhà nước về quản lý xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung; phải được cấp có thẩm quyền cấp Giấy phép xây dựng theo quy định và phải thực hiện đúng nội dung ghi trong Giấy phép xây dựng, trừ trường hợp được miễn giấy phép theo quy định của pháp luật;

3. Chủ đầu tư, chủ sở hữu các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung sau khi đưa công trình vào khai thác sử dụng, phải thực hiện duy tu, bảo trì các công trình theo quy định, đảm bảo an toàn khi vận hành, mỹ quan và vệ sinh môi trường.

4. Các quy định khác thực hiện theo quy định tại Nghị định số 72/2012/NĐ-CP.

Điều 11. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành tỉnh

1. Sở Xây dựng:

a) Thực hiện quản lý nhà nước về quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật tại các đô thị, khu đô thị, khu chức năng đặc thù, cụm công nghiệp trong phạm vi toàn tỉnh Kiên Giang;

b) Tổ chức lập Quy hoạch hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung được đầu tư bằng ngân sách Nhà nước khi được Ủy ban nhân dân tỉnh giao. Thẩm định quy hoạch, quản lý việc thực hiện theo quy hoạch; thẩm định dự án đầu tư xây dựng mới, dự án cải tạo hệ thống hạ tầng kỹ thuật dùng chung thuộc tất cả các nguồn vốn;

c) Tổ chức phổ biến và triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật quy định về quản lý sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn tỉnh;

d) Phối hợp trong việc tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành cơ chế chính sách hỗ trợ và ưu đãi, khuyến khích các tổ chức, cá nhân có đủ năng lực theo quy định của pháp luật tham gia đầu tư xây dựng, quản lý vận hành công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trên địa bàn tỉnh;

đ) Chủ trì trong việc thực hiện thỏa thuận quy hoạch về tuyến đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung đối với các tuyến đường thuộc Quy hoạch chung đô thị trên địa bàn tỉnh (đường cấp đô thị) và đường có lộ giới 22,0m trở lên - Theo Quy chuẩn xây dựng Việt Nam QCVN 01: 2008/BXD về Quy hoạch xây dựng - trong trường hợp mạng lưới công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung chưa có trong quy hoạch đô thị hoặc quy hoạch xây dựng được phê duyệt, ngoại trừ đối với các tuyến đường thuộc huyện đảo Phú Quốc, thuộc Khu kinh tế tỉnh hoặc thuộc các tuyến đường tại Điểm a Khoản 2 Điều này;

e) Phối hợp trong việc: Hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện theo quy định pháp luật về quản lý sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật; tổ chức giải quyết các tranh chấp về sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật; lập danh mục các tuyến đường trong các khu chức năng trên địa bàn tỉnh cần phải được xây dựng, sửa chữa, nâng cấp công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung;

g) Chủ trì trong việc tổ chức tiến hành thanh tra, kiểm tra, xử lý và đề nghị xử lý theo thẩm quyền đối với các vi phạm quy định về hoạt động xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác và sử dụng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trên địa bàn tỉnh. Phối hợp trong việc tổ chức kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất đối với việc thực hiện công tác bảo trì của chủ sở hữu hoặc chủ quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trên địa bàn tỉnh.

h) Tổng hợp, lưu trữ chung cơ sở dữ liệu; báo cáo định kỳ về tình hình quản lý sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn tỉnh với Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Xây dựng theo quy định. Cung cấp thông tin, xác nhận quy hoạch về công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung đối với các tuyến đường thuộc Điểm đ Khoản 1 Điều này trong trường hợp mạng lưới công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung đã có trong quy hoạch đô thị hoặc quy hoạch xây dựng được phê duyệt.

2. Sở Giao thông vận tải:

a) Thực hiện quản lý nhà nước về quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật (ngoài đô thị) bao gồm các tuyến đường quốc lộ do Bộ Giao thông vận tải ủy thác quản lý và các tuyến đường tỉnh lộ trên địa bàn tỉnh;

b) Chủ trì trong việc thực hiện thỏa thuận quy hoạch về tuyến đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung đối với các tuyến đường tại Điểm a Khoản 2 Điều này để cơ quan cấp phép thực hiện cấp Giấy phép xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung thuộc các tuyến đường này;

c) Cung cấp thông tin, xác nhận quy hoạch về công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung và các tài liệu có liên quan đến lộ giới, hiện trạng đối với các tuyến đường tại Điểm a Khoản 2 Điều này cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có yêu

cầu làm căn cứ cho việc nghiên cứu lập dự án đầu tư xây dựng, cấp phép xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung có liên quan với các tuyến đường nêu trên;

d) Khi triển khai cải tạo, nâng cấp các tuyến đường thuộc phạm vi quản lý phải thông báo cho các tổ chức, đơn vị có công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung dọc tuyến biết để phối hợp di dời.

3. Sở Thông tin và Truyền thông:

a) Chỉ đạo các cơ quan thông tin tuyên truyền, phổ biến nội dung này trên các phương tiện thông tin đại chúng để các tổ chức, cá nhân biết và thực hiện;

b) Chỉ đạo, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến Ngành Thông tin và Truyền thông thực hiện đúng các quy định về sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn tỉnh;

c) Chủ trì, phối hợp kiểm tra việc tuân thủ các Tiêu chuẩn, Quy chuẩn kỹ thuật chuyên Ngành Thông tin và Truyền thông đối với các tổ chức, cá nhân khai thác sử dụng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trên địa bàn tỉnh.

4. Sở Công Thương:

a) Chủ trì trong việc kiểm tra việc tuân thủ theo các Quy chuẩn, Tiêu chuẩn chuyên ngành điện lực của các đơn vị quản lý, khai thác sử dụng công trình hạ tầng kỹ thuật dùng chung để lắp đặt đường dây điện ngầm và hệ thống các công trình đường dây tải điện trên địa bàn tỉnh;

b) Chỉ đạo, hướng dẫn Công ty Điện lực Kiên Giang và các tổ chức, cá nhân quản lý, khai thác hệ thống cột điện lực cho phép doanh nghiệp viễn thông được sử dụng chung cột điện lực để lắp đặt cáp, dây thuê bao và các thiết bị viễn thông.

5. Sở Tài chính:

a) Chủ trì xác định giá cho thuê công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành nhằm áp dụng thống nhất trên địa bàn tỉnh;

b) Tổ chức hiệp thương giá theo quy định pháp luật về quản lý giá trong trường hợp tổ chức, cá nhân cho thuê (đầu tư ngoài ngân sách nhà nước) và tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng không thỏa thuận được giá thuê;

c) Hướng dẫn cơ chế thu, chi tài chính của việc thuê sử dụng chung hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật;

d) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng và các sở, ban, ngành có liên quan của tỉnh trong việc tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành cơ chế chính sách hỗ trợ và ưu đãi, khuyến khích các tổ chức, cá nhân có đủ năng lực theo quy định của pháp luật tham gia đầu tư xây dựng, quản lý vận hành công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trên địa bàn tỉnh;

6. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

a) Chủ trì trong việc cân đối ngân sách, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật mới và kinh phí

cải tạo, sắp xếp lại các công trình đường dây, cáp và đường ống vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung;

b) Chủ trì trong việc tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành cơ chế chính sách hỗ trợ và ưu đãi, khuyến khích các tổ chức, cá nhân có đủ năng lực theo quy định của pháp luật tham gia đầu tư xây dựng, quản lý vận hành công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trên địa bàn tỉnh.

7. Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh:

a) Chủ trì trong việc tham mưu, đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đầu tư xây dựng mới, cải tạo công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong khu kinh tế trên địa bàn tỉnh;

b) Chủ trì trong việc thực hiện thỏa thuận quy hoạch về tuyến đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung đối với các tuyến đường thuộc Quy hoạch xây dựng khu kinh tế trên địa bàn tỉnh trong trường hợp mạng lưới công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung chưa có trong Quy hoạch xây dựng khu kinh tế đã được phê duyệt;

c) Tổng hợp, lưu trữ cơ sở dữ liệu; báo cáo định kỳ theo quy định cho Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Xây dựng về hiện trạng, tình hình quản lý và sử dụng chung các công trình hạ tầng kỹ thuật thuộc địa bàn quản lý. Cung cấp thông tin, xác nhận quy hoạch về tuyến đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong khu kinh tế trên địa bàn tỉnh đối với trường hợp công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung đã có trong Quy hoạch xây dựng khu kinh tế được phê duyệt.

8. Ban Quản lý đầu tư phát triển đảo Phú Quốc:

a) Chủ trì trong việc tham mưu, đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đầu tư xây dựng mới, cải tạo công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong các khu chức năng trên địa bàn huyện Phú Quốc;

b) Chủ trì trong việc thực hiện thỏa thuận quy hoạch về tuyến đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung đối với các tuyến đường thuộc Quy hoạch chung đô thị trên địa bàn huyện Phú Quốc (đường cấp đô thị) và đường có lộ giới 22,0m trở lên - Theo Quy chuẩn xây dựng Việt Nam QCVN 01: 2008/BXD về Quy hoạch xây dựng - trong trường hợp mạng lưới công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung chưa có trong quy hoạch đô thị hoặc quy hoạch xây dựng được phê duyệt;

c) Tổng hợp, lưu trữ cơ sở dữ liệu; báo cáo định kỳ về tình hình quản lý sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật thuộc địa bàn quản lý với Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Xây dựng theo quy định. Cung cấp thông tin, xác nhận quy hoạch về công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung đối với các tuyến đường thuộc Điểm b Khoản 8 Điều này trong trường hợp mạng lưới công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung đã có trong quy hoạch đô thị hoặc quy hoạch xây dựng được phê duyệt;

9. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành tỉnh:

Các sở, ban, ngành có liên quan trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Sở Xây dựng và các sở, ban, ngành có liên

quan khác và Ủy ban nhân dân cấp huyện để hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quy định này.

Điều 12. Trách nhiệm của UBND các huyện, thị xã, thành phố

1. Thực hiện quản lý nhà nước về quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật tại các đô thị, các khu chức năng đặc thù và cụm công nghiệp trên địa bàn do mình quản lý.

2. Quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung thuộc sở hữu của huyện, thị xã, thành phố.

3. Chủ trì trong việc thực hiện các việc sau: Tổ chức lập quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung theo quy định tại Điều 6 của Quy định này, ngoại trừ quy hoạch hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung được đầu tư bằng ngân sách nhà nước do Sở Xây dựng lập khi được Ủy ban nhân dân tỉnh giao; tham mưu, đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh về việc lập danh mục các tuyến đường tại các đô thị hiện hữu và trong các khu chức năng thuộc địa bàn quản lý cần phải được đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung để lập kế hoạch phân kỳ đầu tư xây dựng hàng năm.

4. Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng, Sở Tài chính và các sở, ban, ngành có liên quan trong việc tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành cơ chế chính sách hỗ trợ và ưu đãi, khuyến khích các tổ chức, cá nhân có đủ năng lực theo quy định của pháp luật tham gia đầu tư xây dựng, quản lý vận hành công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trên địa bàn do mình quản lý.

5. Chủ trì trong việc thực hiện thỏa thuận quy hoạch về tuyến đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung đối với các tuyến đường thuộc Quy hoạch phân khu, Quy hoạch chi tiết trên địa bàn quản lý (đường cấp khu vực trở xuống) và đường có lộ giới nhỏ hơn 22,0m - Theo Quy chuẩn xây dựng Việt Nam QCVN 01: 2008/BXD về Quy hoạch xây dựng - trong trường hợp mạng lưới công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung chưa có trong quy hoạch đô thị hoặc quy hoạch xây dựng được phê duyệt, ngoại trừ đối với các tuyến đường thuộc khu kinh tế tỉnh hoặc thuộc các tuyến đường tại Điểm a Khoản 2 Điều 14 của Quy định này.

6. Tổng hợp, lưu trữ cơ sở dữ liệu; báo cáo định kỳ theo quy định cho Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Xây dựng về hiện trạng, tình hình quản lý và sử dụng chung các công trình hạ tầng kỹ thuật thuộc địa bàn quản lý. Cung cấp thông tin, xác nhận quy hoạch về công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung đối với các tuyến đường thuộc Khoản 5 Điều này trong trường hợp mạng lưới công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung đã có trong quy hoạch đô thị hoặc quy hoạch xây dựng được phê duyệt.

Điều 13. Lưu trữ hồ sơ công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung

1. Việc lưu trữ hồ sơ công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về lưu trữ cơ sở dữ liệu công trình hạ tầng kỹ thuật.

2. Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, Ban Quản lý đầu tư phát triển đảo Phú Quốc và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện) có trách nhiệm tổng hợp, lưu trữ cơ sở dữ liệu để phục vụ việc quản lý và cung cấp thông tin, xác nhận quy hoạch về công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung cho tổ chức, cá nhân có nhu cầu theo quy định của pháp luật đối với tất cả các công trình trên địa bàn mình quản lý.

3. Các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 11 của Quy định này có trách nhiệm quản lý hồ sơ thiết kế và hồ sơ hoàn công công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung; phối hợp với Sở Xây dựng và Ủy ban nhân dân cấp huyện để cung cấp thông tin, xác nhận quy hoạch về công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung cho tổ chức, cá nhân có nhu cầu theo quy định của pháp luật.

4. Chủ đầu tư các công trình có trách nhiệm bàn giao hồ sơ thiết kế, hồ sơ hoàn công và quy trình bảo trì công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung sau khi đã tổ chức nghiệm thu hoàn thành công trình cho Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc cho chủ sở hữu công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung theo quy định; đồng thời chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính xác thực của các dữ liệu thuộc hồ sơ do mình cung cấp.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 14. Điều khoản chuyển tiếp

1. Trước khi Quy định này có hiệu lực thì các đô thị, khu đô thị mới, khu chức năng đặc thù, khu kinh tế, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh đã có quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng (gọi chung là quy hoạch) đã được phê duyệt nhưng không có nội dung quy hoạch công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung (theo Quy định này) mà chỉ có nội dung quy hoạch công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng riêng (theo quy định cũ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng), và đã triển khai xây dựng hoàn thành trên thực địa theo quy hoạch đã được phê duyệt thì thực hiện giữ nguyên theo quy hoạch đã được phê duyệt. Đối với trường hợp này, khi điều chỉnh cục bộ quy hoạch theo nhu cầu của dự án đầu tư xây dựng hoặc theo yêu cầu của việc quản lý đô thị, thì tùy vào điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng, mỹ quan - tiện ích đô thị, tính chất của dự án ..., cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch xem xét, quyết định thực hiện hay không thực hiện việc điều chỉnh cục bộ công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng riêng thành công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung cho phù hợp. Khi điều chỉnh tổng thể quy hoạch, phải lập điều chỉnh tổng thể hạ tầng kỹ thuật sử dụng riêng thành hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung, trong đó quy định các giai đoạn thực hiện điều chỉnh cục bộ hạ tầng kỹ thuật theo kế hoạch phân kỳ đầu tư xây dựng.

2. Sau khi Quy định này có hiệu lực thì việc lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý đối với quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị của các đô thị, đô thị mới, khu đô thị mới, khu chức năng đặc thù, khu kinh tế, cụm công nghiệp trên địa

bản tỉnh phải có các nội dung quy hoạch công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung đã được quy định tại Nghị định số 72/2012/NĐ-CP.

Điều 15. Tổ chức thực hiện

1. Các sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi chức năng và nhiệm vụ của mình có trách nhiệm: Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục, vận động các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện tốt các hoạt động liên quan đến việc quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật; chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật; cùng phối hợp thực hiện tốt nhiệm vụ của từng ngành, từng cấp trong từng lĩnh vực cụ thể của Quy định này.

2. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức được giao chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước và các đơn vị quản lý trực tiếp việc khai thác sử dụng, vận hành, bảo trì các công trình hạ tầng kỹ thuật theo Quy định này có trách nhiệm phối hợp, tổ chức quản lý, vận hành bảo đảm thống nhất, đồng bộ và có hiệu quả.

3. Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện Quy định này, nếu có khó khăn vướng mắc hoặc phát sinh vấn đề khác thì các tổ chức, đơn vị, cá nhân kịp thời phản ánh về Sở Xây dựng để tổng hợp, nghiên cứu và báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. *llc*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



llc
Lê Văn Thi